TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2021/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Phan Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Giồng K, xã P, huyện T1, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* anh Lê Tấn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Giồng K, xã P, huyện T1, Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Lê Tấn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Lê Tấn V, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2008 và cháu Lê Thị Lan A, sinh năm 2000. Do cháu Lan A đã trên 18 tuổi và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Lê Tấn V, khi ly hôn, chị T và anh N thỏa thuận giao cháu Tấn V cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh N chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

Anh Lê Tấn N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung:* chị T, anh N xác định chưa yêu cầu.

- *Nợ chung:* chị T, anh N xác định chưa yêu cầu.

- *Về án phí:* chị Phan Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008026 ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 nên hoàn lại chị T số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

VNH